TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DSST
Ngày 25/4/2023
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Ông Chu Hồng Văn

- ***Thư ký Tòa án:*** Bà Ngọ Thị Thanh Hà - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/DS-ST ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1960 và bà Tống Thị L, sinh năm 1960;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày*:

Ngày 21/11/2009 tức ngày 05/10/2009 âm lịch, vợ chồng ông có cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 26.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu đồng)*. Với mục đích vay để lấy vốn mở cửa hàng sửa chữa xe máy cho con trai ông H và bà L. Hợp đồng vay không có thời hạn, lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng tức 520.000 đồng/1 tháng. Khi nào ông đòi tiền thì báo trước cho ông H, bà L 01 tháng để thu xếp trả. Khi cho vay ông có lập giấy vay tiền và ký tên ở mục người có tiền cho vay *"Luận", Nguyễn Ngọc L";* Ông H ký tên ở mục vợ chồng bên vay *"Hưng", "Trần Ngọc H";* ông đã cung cấp bản gốc giấy vay tiền này cho Tòa án (Bút lục số 65).

Ngày 03/8/2021 (âm lịch) ông có cầm giấy vay tiền sang đòi vợ chồng ông H trả tiền; ông H có đưa 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)* cho ông cầm về. Ngày hôm sau, ông H sang nhà ông đòi lại số tiền 20.000.000 đồng nêu trên thì ông đã đưa lại cho ông H, vì lý do: Ông H từ trước đến thời điểm đó chưa trả tiền nợ lần nào, vẫn còn nợ 26.000.000 đồng nên khi ông H đòi lại thì ông trả lại.

Khi nộp đơn khởi kiện ông có yêu cầu ông H, bà L trả tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/11/2009 đến ngày 21/11/2022 là 13 năm với số tiền 26.00.000 x 13 năm x 20% = 67.600.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Tòa án tuyên buộc vợ chồng ông H và bà L phải trả ông L là 26.000.000 + 67.600.000 = 93.600.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, ông L rút yêu cầu trả tiền lãi, ông đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Công nhận hợp đồng vay tiền ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) giữa ông Nguyễn Ngọc L với ông Trần Ngọc H và vợ là bà Tống Thị L, số tiền vay là 26.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Trần Ngọc H và vợ là bà Tống Thị L trả ông Nguyễn Ngọc L số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch).

** Bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:* Vợ chồng ông có vay số tiền 26.000.000 đồng của ông L vào ngày 21/11/2009 (dương lịch), tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) theo giấy vay tiền đề ngày 21/11/2009. Lúc đó do kinh tế khó khăn, vợ chồng ông cần tiền để mở hàng sửa chữa xe máy cho con trai là anh Trần Ngọc H, sinh năm 1985. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 02 phẩy/01 tháng (tức là 20%/01 năm), không thỏa thuận thời gian trả tiền cụ thể, chỉ thỏa thuận khi nào vợ chồng ông L đòi số tiền trên thì báo trước cho vợ chồng ông biết trước 01 tháng để thu xếp trả nợ.

Ông vay vào tháng 11/2009 thì khoảng 01 năm sau (ngày, tháng cụ thể ông không nhớ), khoảng tháng 12 âm lịch năm 2010 sau khi có tiền thu hoạch cá xong, ông đã mang sang nhà ông L để trả cho vợ chồng ông L số tiền 26.000.000 đồng. Khi đó chỉ có mặt ông và vợ chồng ông L, không có ai làm chứng. Khi trả số tiền 26.000.000 đồng thì hai bên không lập giấy tờ gì để làm bằng chứng, nên ông không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ chứng minh đã trả tiền. Tiền lãi hàng tháng đã trả, không nợ nần gì nữa. Ông sơ suất không lấy lại giấy vay tiền. Bây giờ ông L khởi kiện ra Tòa, vẫn dùng giấy vay tiền này để đòi trả tiền gốc 26.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

Ngày 03/8/2021 (âm lịch) ông L có cầm giấy vay tiền nêu trên sang nhà ông đòi nợ. Ông rất bất ngờ vì đã trả tiền mà vẫn còn giấy vay tiền, ông có nói với ông L: "*Cháu bất ngờ, không nhớ đã trả hay chưa, ông cũng không nhớ là đã trả tiền hay chưa? Cháu có 20.000.000 đồng, ông cầm tạm 20.000.000 đồng về, mai hoặc ngày kia ông nhớ ra, nếu cháu chưa trả tiền ông thì cháu trả, còn cháu trả tiền ông rồi thì ông trả lại cháu 20.000.000 đồng*". Đến ngày hôm sau, ông đến nhà ông L thì ông L nói đã trả số tiền vay 26.000.000 đồng ngày 21/11/2009 dương lịch rồi và đưa lại cho ông 20.000.000 đồng. Sự việc xảy ra có vợ chồng ông, các con biết và vợ chồng ông L biết, ngoài ra không có ai làm chứng. Việc ông đưa 20.000.000 đồng cho ông L cũng không được lập thành văn bản, giấy tờ.

Ông cho rằng không có việc vay tiền từ năm 2009 không trả gốc và lãi hàng tháng mà ông L lại không yêu cầu trả, đến tận bây giờ mới kiện ra Tòa yêu cầu trả tiền gốc và lãi là vô lý. Ông không đồng ý trả 26.000.000 đồng tiền gốc cho ông L.

* *Đồng bị đơn bà Tống Thị L trình bày:* Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà (ông H), bà không đồng ý trả 26.000.000 đồng tiền gốc vì đã trả cho ông L (Bút lục số 28).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà thống nhất về sự việc vay tiền ngày 21/11/2009 như ông L đã nêu. Về việc ông H trình bày đã đưa 20.000.000 cho ông L ngày 03/8/2021 (âm lịch) thì bà không được chứng kiến, chỉ nghe chồng bà nói lại là do ông H chưa trả 26.000.000 tiền gốc đã vay, ngày hôm sau ông H đã sang đòi lại số tiền 20.000.000 mà hôm trước ông H đưa cho chồng bà. Vì ông H chưa trả tiền nên khi đòi lại thì chồng bà đã đưa lại 20.000.000 cho ông H.

Ông H có trình bày là đã trả tiền cho vợ chồng bà, bà khẳng định không có việc đó. Bà không đồng ý với lời trình bày này của ông H, đề nghị ông H

phải xuất trình được tài liệu chứng minh đã trả 26.000.000 đồng cho vợ chồng bà.

Vợ chồng bà đòi nhiều lần, vợ chồng ông H không trả, nay chồng bà có đơn đến Tòa án, bà có ý kiến thống nhất với trình bày của chồng bà, đề nghị Tòa án tuyên buộc vợ chồng ông H trả số tiền nợ 26.000.000 đồng (Bút lục 54-55).

* *Người làm chứng anh Trần Ngọc H trình bày:* Anh là con trai ông H, bà L. Anh không được trực tiếp chứng kiến việc bố mẹ trả tiền cho ông L, chỉ nghe bố anh nói chuyện lại là: Khoảng 01 năm sau khi vay tiền, bố anh sang nhà ông L trả số tiền vay 26.000.000 đồng gốc và trả cả tiền lãi, nay không còn nợ nần gì nữa. Ông L sang nhà anh đòi tiền vào ngày 03/8/2021 (âm lịch), khi đó bố anh đưa 20.000.000 đồng cho ông L thì anh có nhà và được trực tiếp chứng kiến, việc đưa 20.000.000 đồng này không lập văn bản. Ngày hôm sau bố anh sang nhà ông L để đòi lại số tiền 20.000.000 đồng thì anh không được chứng kiến.

Bố mẹ anh có vay số tiền trên và đưa cho anh để mở hàng sửa chữa xe máy như lời khai của bố mẹ anh là đúng sự thật. Nay ông L khởi kiện đòi trả 26.000.000 đồng, anh cho rằng bố mẹ đã trả, không còn nợ nần gì ông L nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng qui định. Viện kiểm sát không kiến nghị gì.

- Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều: 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

Các Điều 26, 147, 227, 228 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận hợp đồng vay tiền ngày 21/11/2009 giữa ông L với ông H, bà L, số tiền vay là 26.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật. Buộc ông H, bà L phải trả ông L số tiền 26.000.000 đồng.

Về án phí: Ông H, bà L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc L đề nghị công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 21/11/2009 (dương lịch), tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) giữa bên cho vay là ông Nguyễn Ngọc L và bên vay là ông Trần Ngọc H, bà Tống Thị L có hiệu lực pháp luật; buộc ông H và bà L phải trả ông L số tiền 26.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu đồng)*. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS).

[1.2] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Các bên thỏa thuận ký hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn có lãi suất nên xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H, bà L là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.4] Về áp dụng pháp luật: Vào thời điểm các đương sự giao kết hợp đồng thì Bộ luật dân sự (viết tắt là BLDS) năm 2015 chưa có hiệu lực. Nên cần áp dụng các quy định của BLDS năm 2005 để xem xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản.

[1.5] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bà Tống Thị L, bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Ông Nguyễn Ngọc L và ông Trần Ngọc H có mối quan hệ họ hàng và hai bên có cho nhau vay tài sản.

Vào ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) ông Nguyễn Ngọc L và ông Trần Ngọc H, bà Tống Thị L có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản; trong đó ông L là bên cho vay, ông H và bà L là bên vay. Tài sản cho vay tiền Việt Nam đồng, cụ thể: Ông H và bà L vay của ông L 26.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả tiền cụ thể, lãi suất hai bên thỏa thuận 02 phẩy/01 tháng (tức 2%/tháng). Sau khi lập hợp đồng xong, ông L đã giao tiền cho ông H đầy đủ, ông H đã ký nhận hợp đồng. Điều này phía nguyên đơn và bị đơn

đều thừa nhận; nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS.

Căn cứ vào các Điều: 121, 122, 123, 124, 471, 472, 473, 474, 476 của BLDS năm 2005, thì các bên thực hiện giao dịch đúng về mặt chủ thể, hình thức, mục đích, nội dung và bên cho vay đã giao tài sản là 26.000.000 đồng cho bên vay đầy đủ. Do đó cần công nhận đồng vay tài sản ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) giữa bên cho vay là ông Nguyễn Ngọc L và bên vay ông Trần Ngọc H, tài sản cho vay là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)* có hiệu lực pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu buộc ông Trần Ngọc H, bà Tống Thị L phải trả ông Nguyễn Ngọc L số tiền 26.000.000 đồng:

Ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) ông Nguyễn Ngọc L có cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 26.000.000 đồng. Ông H và bà L đều xác định có khoản vay như nêu trên.

Ngoài ra, ông H và bà L còn trình bày: Ngày 03/8/2021 (âm lịch) ông L có cầm giấy vay tiền nêu trên sang nhà ông H đòi nợ và ông H có đưa cho ông L 20.000.000 đồng. Ngày hôm sau ông L đưa trả lại ông H 20.000.000 do đã nhớ ra là năm 2010 ông H đã trả số tiền nợ 26.000.000 đồng. Sự việc này hai bên không lập giấy tờ, văn bản gì. Ông H, bà L đều cho rằng khoản tiền vay 26.000.000 theo giấy vay tiền nêu trên đã trả cho ông L từ năm 2010 nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho việc đã trả tiền cho ông L. Do đó cần xác định ông H bà L chưa trả cho ông L 26.000.000 đồng. Ông L đã đòi số tiền này, ông H bà L không trả, nên xác định ông H bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 474 của BLDS năm 2005. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc ông H, bà L phải trả ông L số tiền 26.000.000 đồng là đúng qui định.

[2.3] Về yêu cầu rút một phần khởi kiện: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện là 67.600.000 đồng(Sáu mươi bẩy triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với qui định tại khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của BLTTDS nên cần chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2.4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận, do đó ông H và bà L phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông H và bà L đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 121, 122, 123, 124, 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều: 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 71, 147, 150, khoản 1 Điều 228, 271, 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L;

- Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 21/11/2009 (dương lịch) tức ngày 05/10/2009 (âm lịch) giữa bên cho vay là ông Nguyễn Ngọc L và bên vay ông Trần Ngọc H, bà Tống Thị L, tài sản cho vay là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Trần Ngọc H, bà Tống Thị L phải trả ông Nguyễn Ngọc L 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về nội dung: Buộc Trần Ngọc H, bà Tống Thị L phải trả số tiền lãi 67.600.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Ông Trần Ngọc H, bà Tống Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc L, ông Trần Ngọc H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tống Thị L, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ Chu Hồng Văn Giáp Thị Loan